

BÀI TẬP TIẾNG ANH LỚP 4 THEO TỪNG UNIT**UNIT 10: WHERE WERE YOU YESTERDAY?****Ex 1: Loại từ khác nhóm:**

1. a. morning
b. evening
c. dancing
d. afternoon
2. a. tomorrow
b. night
c. yesterday
d. today
3. a. see
b. meet
c. watch
d. again
4. a. hello
b. goodbye

c. good morning

d. good afternoon

5. a. Japanese

b. Australia

c. America

d. England

6. a. Austalian

b. Malaysian

c. Vietnamese

d. America

7. a. Wednesday

b. Yesterday

c. Saturday

d. Tuesday

8. a. on

b. sit

c. in

d. to

9. a. what

b. want

c. where

d. how

10. a. February

b. Library

c. March

d. July

11. a. May

b. April

c. Ninth

d. June

12. a. twenty

b. twenty-third

c. twenty-three

d. twenty-nine

13. a. ride

b. bike

c. swim

d. swing

14. a. dictation

b. write

c. comic book

d. text

15. a. tennis

b. football

c. guitar

d. volleyball

16. a. classroom

b. teacher

c. gym

d. computer room

17. a. address

b. village

c. district

d. city

18. a. road

b. street

c. study

d. village

19. a. photograph

b. mask

c. puppet

d. take

20. a. maths

b. science

c. month

d. informatic technology

21. a. paint

b. read

c. video

d. listen

22. a. water

b. school

c. zoo

d. class

23. a. exercise

b. music

c. dictation

d. draw

24. a. wash

b. water

c. week

d. want

25. a. Birthday

b. Monday

c. Thursday

d. Sunday

Ex 2: Hoàn thành bảng động từ sau:

1. Cook	Nấu nướng	Cooking	Cooked
2. Skate			
3. Skip			
4. Dance			
5. Play			
6. Study			
7. Want			
8. Collect			
9. Watch			
10. Listen			
11. Paint			
12. Wash			
13. Water			
14. Clean			
15. Talk			
16. Work			

17. Chat			
18. Get			
19. Do			

Ex 3: Hãy viết 10 câu về những điều đã xảy ra trong quá khứ:

Ex 4: Sắp xếp các từ sau thành câu đúng:

1. nice/ she/ a/ picture/ drew/ yesterday/.
2. morning/ he/ piano/ yesterday/ the/ played/.
3. this/ TV/ watched/ and/ brother/ Lan/ her/.
4. video/ evening/ a/ watched/ yesterday/ Linda/.
5. afternoon/ you/ do/ did/ this/ what/?
6. chess/ did/ they/ play/?
7. were/morning/ where/ you/ yesterday/?
8. I / morning/ the/ this/ flowers/ and/ father/ my/ watered/ .
9. yesterday/ Tom/ Phong/ played/ and/ afternoon/ volleyball/.
10. picture/ she/ painted/ a/ afternoon/ this/.

Ex 5: Read and match:

1. Where were you yesterday morning?	a. She was at home with her family.	1.
2. Did you watch TV last night?	b. I'm from Tokyo, Japan.	2.
3. What's he doing?	c. She is cooking in the kitchen.	3.
4. Does she have any pets?	d. Yes, I did.	4.
5. Where was she last weekend?	e. It was the twenty-seventh of November.	5.
6. What was the date yesterday?	f. He's painting a mask.	6.
7. What is your mother doing?	g. Yes, she does.	7.
8. Where are you from?	h. I was in the school library.	8.

Ex 6: Chọn đáp án đúng:

1. My mother can (cook/ cooks/ cooking/ cooked) very well.
2. At the brown table the girls (are making/ makes/ making/ is making) a paper boat.
3. We don't (go/ goes/ going/ went) to school at the weekend.
4. Where (was/ is/ were/ are) you yesterday?
5. They are (dance and singing/ dancing and singing/ dance and sing/ danced and sing) in the classroom.
6. I was (at/ to/ in/ on) home with my grandparents yesterday.
7. She likes (listens/ listening/ listened/ listen) to music.

8. My favourite subjects (are/ is/ do/ does) IT and Science.

9. The teacher is reading a (music/ video/ dictation/ paint).

10. I'm (on/ in/ behind/ to) the beach with my friends.

Ex 7. Read and circle the correct sentences.

1. A. What do you do yesterday?

B. What did you do yesterday?

2. A. Where was you yesterday?

B. Where were you yesterday?

3. A. I watered the flowers yesterday.

B. I water the flowers yesterday.

4. A. They are in class last Sunday.

B. They were in class last Sunday.

5. A. Lan was at home last night.

B. Lan were at home last night.

Đáp án bài tập tiếng Anh Unit 10 lớp 4 Where were you yesterday?

Ex 1: Loại từ khác nhóm:

1 - c	2 - b	3 - d	4 - b	5 - a
-------	-------	-------	-------	-------

6 - d	7 - b	8 - b	9 - b	10 - b
11 - c	12 - b	13 - b	14 - b	15 - c
16 - b	17 - a	18 - c	19 - d	20 - c
21 - c	22 - a	23 - c	24 - c	25 - a

Ex 2: Hoàn thành bảng động từ sau:

1. Cook	Nấu nướng	Cooking	Cooked
2. Skate	Trượt băng	Skating	Skate
3. Skip	Nhảy dây	Skipping	skipped
4. Dance	Nhảy	Dancing	Danced
5. Play	Chơi	Playing	Played
6. Study	Học	Studying	Studied
7. Want	Muốn	Wanting	Wanted
8. Collect	Sưu tầm	Collecting	Collected
9. Watch	Xem	Watching	Watched
10. Listen	nghe	listening	listened
11. Paint	Vẽ	Painting	Painted
12. Wash	Rửa	washing	washed
13. Water	tưới nước	watering	watered
14. Clean	lau chùi	cleaning	cleant

15. Talk	Nói	talking	talked
16. Work	làm việc	working	worked
17. Chat	Nói chuyện	chatting	chatted
18. Get	có được, lấy được	getting	got
19. Do	Làm	doing	did

Ex 3: Hãy viết 10 câu về những điều đã xảy ra trong quá khứ:

Gợi ý

I was at home yesterday.

I did my homework last night.

I visited my grandparents last Sunday.

I went to the zoo with my friends.

I went shopping in the supermarket.

I went to the cinema.

I played football with my classmates.

I took part in the English club.

I watered the flowers in the garden.

I listened to music.

Ex 4: Sắp xếp các từ sau thành câu đúng:

- 1 - She drewed a nice picture yesterday.
- 2 - He played the piano yesterday.
- 3 - Lan and her brother watched this TV.
- 4 - Linda watched a video yesterday morning.
- 5 - What did you do this afternoon?
- 6 - Did they play chess?
- 7 - Where were you yesterday morning?
- 8 - I and my father watered flowers this morning.
- 9 - Tom and Phong played volleyball yesterday afternoon.
- 10 - She painted a picture this afternoon.

Ex 5: Read and match:

- 1 - h; 2 - d; 3 - f; 4 - g;
- 5 - a; 6 - e; 7 - c; 8 - b

Ex 6: Chọn đáp án đúng:

- 1 - cook; 2 - are making; 3 - go; 4 - were; 5 - dancing and singing
- 6 - at; 7 - listening; 8 - are; 9 - dictation; 10 - on

Ex 7. Read and circle the correct sentences.

1 - B; 2 - B; 3 - A; 4 - B; 5 - A;

Mời bạn đọc tham khảo thêm tài liệu Tiếng Anh lớp 4 tại đây:

Bài tập Tiếng Anh lớp 4 theo từng Unit: <https://vndoc.com/tieng-anh-lop-4>

Bài tập Tiếng Anh lớp 4 nâng cao:

<https://vndoc.com/tieng-anh-cho-hoc-sinh-tieu-hoc-7-11-tuoi>

Bài tập trắc nghiệm Tiếng Anh lớp 4 trực tuyến:

<https://vndoc.com/test/tieng-anh-lop-4>